

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 439 /TTr-UBND

Thanh Trị, ngày 14 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thanh Trị,
tỉnh Sóc Trăng năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị.

Căn cứ vào Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 quy định thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3477/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND, ngày 17/12/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị khoá XII kỳ họp lần thứ 3, về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương huyện Thanh Trị năm 2022;

Quá trình điều hành ngân sách huyện Thanh Trị trong 6 tháng đầu năm 2022 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách huyện thay đổi so với dự toán đã phân bổ đầu năm như: ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện (bổ sung ngoài dự toán đầu năm); khoản thu, chi chuyển nguồn theo quy định của Bộ Tài chính; khoản thu, chi nguồn kết dư ngân sách huyện.

Căn cứ quy định và tình hình phát sinh nêu trên, UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng năm 2022, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2022 số tiền: 97.586.820.190 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 516.442.820.190 đồng, trong đó:

1.1 Dự toán thu ngân sách trên địa bàn: 29.300.000.000 đồng, trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 26.620.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).

1.2 Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 17.259.599.601 đồng. Dự toán thu sau khi điều chỉnh là: 409.495.599.601 đồng. Bao gồm:

- Dự toán thu bổ sung cân đối là: 356.030.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).



- Dự toán thu bổ sung có mục tiêu đầu năm là: 36.206.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).

- Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu trong năm số tiền: 17.259.599.601 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là: 17.259.599.601 đồng.

1.3 Tăng dự toán thu chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2021 chuyển sang năm 2022 là 57.149.389.737 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 52.905.480.852 đồng.

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã: 4.243.908.885 đồng.

1.4 Tăng dự toán thu kết dư ngân sách huyện: 23.177.830.852 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp huyện: 21.416.660.448 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp xã: 1.761.170.404 đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2022: 97.586.820.190 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 516.442.820.190 đồng, trong đó:

2.1 Tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện là: 91.581.740.901 đồng, dự toán sau điều chỉnh là: 463.130.740.901 đồng, bao gồm:

- Dự toán chi ngân sách huyện theo phân cấp là: 335.343.000.000 đồng (không bao gồm chi ngân sách cấp xã - theo dự toán chi đầu năm).

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu đầu năm là: 36.206.000.000 đồng.

- Tăng dự toán chi vốn bổ sung có mục tiêu trong năm là: 17.259.599.601 đồng. Dự toán chi sau khi điều chỉnh là: 17.259.599.601 đồng.

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2021 chuyển sang năm 2022 là 52.905.480.852 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp huyện: 21.416.660.448 đồng.

2.2 Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp xã: 6.005.079.289 đồng. Dự toán chi sau điều chỉnh: 53.312.079.289 đồng, trong đó:

- Chi ngân sách xã (theo dự toán đầu năm): 47.307.000.000 đồng

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm 2021 chuyển sang năm 2022 là 4.243.908.885 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp xã: 1.761.170.404 đồng.

Ngoài ra, trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2022, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh tại Tờ trình này) đề nghị HĐND huyện giao cho UBND huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu

của nguồn phát sinh và báo cáo với HĐND huyện trong kỳ họp cuối năm 2022

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Thanh Trì năm 2022 kính trình trước kỳ họp lần 5, HĐND huyện khóa XII xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- TT.HU, TT.HĐND;
- Đại biểu HĐND;
- Thành viên UBND;
- Lưu: VP (VT – NC).



Lương Vũ Phương



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Tờ trình số 439./TTr.UBND, ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Thạnh Trị)

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu phần đầu HĐND huyện giao)	29.300.000.000	0	29.300.000.000	
	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu tỉnh giao): trong đó thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 26.620.000.000 đồng	29.300.000.000			
B	Dự toán thu ngân sách huyện	418.856.000.000	97.586.820.190	516.442.820.190	
I	Dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	26.620.000.000	0	26.620.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	392.236.000.000	17.259.599.601	409.495.599.601	
1	Thu bổ sung cân đối	356.030.000.000		356.030.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm	36.206.000.000		36.206.000.000	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	36.020.000.000		36.020.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	186.000.000		186.000.000	
3	Vốn bổ sung trong năm		17.259.599.601	17.259.599.601	
1	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID -19		2.037.000.000	2.037.000.000	
2	Kinh phí tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022		372.400.000	372.400.000	
3	Kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) tại cơ sở cách ly; hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi cách ly y tế trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12)		60.400.000	60.400.000	
4	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch COVID -19		277.120.000	277.120.000	
5	Kinh phí hỗ trợ người điều trị COVID -19 (F0) tại nhà, người cách ly y tế (F1) tại nhà; hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2012/QĐ-TTg ngày 07/7/2021		4.051.480.000	4.051.480.000	
6	Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thạnh Trị		53.520.000	53.520.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
7	Kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) tại cơ sở cách ly; hỗ trợ thêm đối với trẻ em cách ly y tế trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2012/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12,13, 14, 15, 16)		101.480.000	101.480.000	
8	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022		6.100.000.000	6.100.000.000	
9	Kinh phí hoạt động chuyên ngành năm 2022 đối với Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Sóc Trăng		30.000.000	30.000.000	
10	Kinh phí thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và Hội thi "Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu"		220.000.000	220.000.000	
11	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ		147.907.411	147.907.411	
12	Kinh phí để thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn về nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận năm 2022		1.180.412.190	1.180.412.190	
13	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng		348.000.000	348.000.000	
14	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 và khoản 20 tại Quyết định số 33/2022)		375.000.000	375.000.000	
15	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 và khoản 20 tại Quyết định số 33/2022)		642.000.000	642.000.000	
16	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân thuộc huyện Thạnh Trị tỉnh Sóc Trăng phải cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid -19		8.880.000	8.880.000	
17	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của các cơ quan nhà nước		165.000.000	165.000.000	
18	Kinh phí hỗ trợ người điều trị Covid -19 (F0); người cách ly y tế (F1); hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật điều trị, cách ly tại nhà trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg		180.000.000	180.000.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
19	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh được hưởng chính sách theo khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thạnh Trị		12.000.000	12.000.000	
20	KP thực hiện Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 (vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		123.000.000	123.000.000	
21	Kinh phí làm công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn năm 2022		10.000.000	10.000.000	
22	Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 trên địa bàn huyện Thạnh Trị theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng		174.000.000	174.000.000	
23	Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động		450.000.000	450.000.000	
24	Kinh phí nghiên cứu khoa học công nghệ năm 2022		140.000.000	140.000.000	
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2021 chuyển sang năm 2022		57.149.389.737	57.149.389.737	
1	Chuyển nguồn ngân sách huyện		52.905.480.852	52.905.480.852	
2	Chuyển nguồn ngân sách xã		4.243.908.885	4.243.908.885	
IV	Thu kết dư		23.177.830.852	23.177.830.852	
1	Kết dư ngân sách huyện		21.416.660.448	21.416.660.448	
2	Kết dư ngân sách xã		1.761.170.404	1.761.170.404	
C	Dự toán chi ngân sách huyện (bao gồm chi trợ cấp ngân sách xã)	418.856.000.000	97.586.820.190	516.442.820.190	
I	Dự toán chi ngân sách cấp huyện	371.549.000.000	91.581.740.901	463.130.740.901	
1	Chi ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không bao gồm chi ngân sách xã)	335.343.000.000		335.343.000.000	
1.1	Chi đầu tư phát triển	24.409.000.000		24.409.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên 4.251 triệu đồng)	350.738.000.000	0	350.738.000.000	
1.3	Chi dự phòng ngân sách	7.503.000.000		7.503.000.000	
2	Chi bổ sung có mục tiêu đầu năm	36.206.000.000		36.206.000.000	
2.1	Từ nguồn cân đối NSĐP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	36.020.000.000		36.020.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	186.000.000		186.000.000	
3	Dự chi XD CB và chi cải cách tiền lương			0	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
4	Vốn bổ sung trong năm		17.259.599.601	17.259.599.601	
4.1	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID -19		2.037.000.000	2.037.000.000	
4.2	Kinh phí tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022		372.400.000	372.400.000	
4.3	Kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) tại cơ sở cách ly; hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi cách ly y tế trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12)		60.400.000	60.400.000	
4.4	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch COVID -19		277.120.000	277.120.000	
4.5	Kinh phí hỗ trợ người điều trị COVID -19 (F0) tại nhà, người cách ly y tế (F1) tại nhà; hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2012/QĐ-TTg ngày 07/7/2021		4.051.480.000	4.051.480.000	
4.6	Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thạnh Trị		53.520.000	53.520.000	
4.7	Kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) tại cơ sở cách ly; hỗ trợ thêm đối với trẻ em cách ly y tế trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2012/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12,13, 14, 15, 16)		101.480.000	101.480.000	
4.8	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022		6.100.000.000	6.100.000.000	
4.9	Kinh phí hoạt động chuyên ngành năm 2022 đối với Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Sóc Trăng		30.000.000	30.000.000	
4.10	Kinh phí thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và Hội thi "Tuyến đường nông thôn mới kiểu		220.000.000	220.000.000	
4.11	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ		147.907.411	147.907.411	
4.12	Kinh phí để thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn về nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận năm 2022		1.180.412.190	1.180.412.190	
4.13	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 và khoản 20 tại Quyết định số 33/2022)		348.000.000	348.000.000	

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
4.14	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 và khoản 20 tại Quyết định số 33/2022)		375.000.000	375.000.000	
4.15	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 và khoản 20 tại Quyết định số 33/2022)		642.000.000	642.000.000	
4.16	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân thuộc huyện Thạnh Trị tỉnh Sóc Trăng phải cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid -19		8.880.000	8.880.000	
4.17	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của các cơ quan nhà nước		165.000.000	165.000.000	
4.18	Kinh phí hỗ trợ người điều trị Covid -19 (F0); người cách ly y tế (F1); hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật điều trị, cách ly tại nhà trên địa bàn huyện Thạnh Trị được hưởng chính sách theo Chương VII Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg		180.000.000	180.000.000	
4.19	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh được hưởng chính sách theo khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thạnh Trị		12.000.000	12.000.000	
4.20	KP thực hiện Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 (vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		123.000.000	123.000.000	
4.21	Kinh phí làm công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn năm 2022		10.000.000	10.000.000	
4.22	Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 trên địa bàn huyện Thạnh Trị theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng		174.000.000	174.000.000	
4.23	Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động		450.000.000	450.000.000	
4.24	Kinh phí nghiên cứu khoa học công nghệ năm 2022		140.000.000	140.000.000	
5	Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2021 chuyển sang năm 2022 (bao gồm kinh phí tiết kiệm chi năm 2021)		52.905.480.852	52.905.480.852	
6	Chi kết dư ngân sách cấp huyện		21.416.660.448	21.416.660.448	
	Trong đó:				

ST T	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Chi chú
-	Chuyển vốn ngân sách ủy thác qua Ngân hàng chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội		1.000.000.000	1.000.000.000	
-	Chi thực hiện công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022		372.895.339	372.895.339	
-	Chi mua thiết bị âm thanh phòng họp số 01 của Huyện ủy		78.000.000	78.000.000	
-	Chi khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ đương chức và nghỉ hưu năm 2022		535.146.000	535.146.000	
-	Chi biên soạn lịch sử Đảng bộ TT Phú Lộc, Lâm Kiết, Tuần Túc Châu Hưng		320.000.000	320.000.000	
-	Chi bổ sung mục tiêu xã Châu Hưng chi nghỉ việc cho công chức theo nguyện vọng cá nhân năm 2022		6.101.550	6.101.550	
-	Chi chênh lệch hỗ trợ nghỉ việc không chuyên trách xã		63.781.000	63.781.000	
-	Thực hiện một số nhiệm vụ khi phát sinh trong năm (bao gồm nộp trả mục tiêu ngân sách tỉnh)		19.040.736.559	19.040.736.559	
II	Chi ngân sách cấp xã	47.307.000.000	6.005.079.289	53.312.079.289	
1	Chi ngân sách cấp xã (đã trừ tiết kiệm)	47.307.000.000		47.307.000.000	
2	Chuyển nguồn ngân sách xã		4.243.908.885	4.243.908.885	
3	Kết dư ngân sách xã		1.761.170.404	1.761.170.404	

